

Số: **642** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

V/v thực hiện kê khai thuế suất thuế GTGT, xác định tên và áp dụng mã HS của hàng hoá nhập khẩu không được giảm thuế theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP

Kính gửi:

- Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Các Công ty theo danh sách kèm theo.

Tổng cục Hải quan nhận được phản ánh của một số doanh nghiệp (theo danh sách đính kèm) đề nghị hướng dẫn kê khai thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT), xác định tên và áp dụng mã HS của hàng hoá nhập khẩu không được giảm thuế GTGT theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Việc kê khai, tính thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu phải căn cứ vào thực tế hàng hóa nhập khẩu, quy định về đối tượng chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%, 10% theo quy định của pháp luật thuế GTGT và quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP và danh mục hàng hoá, dịch vụ không được giảm thuế GTGT quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

2. Hàng hóa nhập khẩu không được giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 là hàng hoá có tên sản phẩm nêu tại cột 8 “tên sản phẩm” và được mô tả nội dung của sản phẩm tại cột 9 “nội dung” (trường hợp không có mô tả nội dung tại cột 9 thì áp dụng tên sản phẩm nêu tại cột 8) của Phụ lục I, phần A Phụ lục III hoặc tại cột 3 “hàng hóa” phần B Phụ lục III hoặc hàng hóa nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Hàng hóa nhập khẩu nêu tại các Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT 5% theo quy định của Luật thuế GTGT thì thực hiện theo quy định của Luật thuế GTGT .

Hàng hoá nhập khẩu không nêu tại các Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP đang thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10%

theo quy định của Luật thuế GTGT thì được áp dụng mức thuế GTGT là 8% theo Nghị quyết 43/2022/QH15.

3. Về việc xác định hàng hoá không được giảm thuế GTGT tại cột 10 Phụ lục I, cột 10 Phần A Phụ lục III, cột 4 Phần B Phụ lục III:

3.1. Hàng hoá nhập khẩu không được giảm thuế GTGT là hàng hóa đáp ứng điều kiện (i) có tên sản phẩm nêu tại cột 8 “tên sản phẩm” và được mô tả nội dung của sản phẩm tại cột 9 “nội dung” (trường hợp không có mô tả nội dung tại cột 9 thì áp dụng tên sản phẩm tại cột 8) của Phụ lục I, phần A Phụ lục III hoặc tại cột 3 “hàng hóa” phần B Phụ lục III và (ii) có mã HS quy định theo Chương (02 chữ số), Nhóm (04 chữ số), Phân nhóm (06 chữ số) và mặt hàng (08 chữ số) nêu tại cột 10 Phụ lục I, cột 10 phần A Phụ lục III, cột 4 phần B Phụ lục III, thực hiện như sau:

a) Trường hợp tại cột 10 Phụ lục I, cột 10 phần A phụ lục III, cột 4 phần B phụ lục III chỉ nêu số Chương HS thì toàn bộ hàng hóa thuộc Chương đó đáp ứng điều kiện (i) nêu trên là hàng hoá nhập khẩu không được giảm thuế GTGT.

b) Trường hợp tại cột 10 Phụ lục I, cột 10 phần A phụ lục III, cột 4 phần B phụ lục III nêu số Chương, chi tiết số Nhóm thì toàn bộ hàng hóa thuộc Nhóm đó đáp ứng điều kiện (i) nêu trên là hàng hoá nhập khẩu không được giảm thuế GTGT.

c) Trường hợp tại cột 10 Phụ lục I, cột 10 phần A phụ lục III, cột 4 phần B phụ lục III nêu số Chương, số Nhóm và chi tiết số Phân nhóm thì toàn bộ hàng hóa thuộc Phân nhóm đó đáp ứng điều kiện (i) nêu trên là hàng hoá nhập khẩu không được giảm thuế GTGT.

d) Trường hợp cột 10 Phụ lục I, cột 10 phần A phụ lục III, cột 4 phần B phụ lục III nêu số Chương, số Nhóm, Phân nhóm và chi tiết mã số mặt hàng theo 8 chữ số thì toàn bộ hàng hóa thuộc mã HS 08 chữ số đáp ứng điều kiện (i) nêu trên là hàng hoá nhập khẩu không được giảm thuế GTGT.

3.2. Hàng hoá nhập khẩu không được giảm thuế GTGT là hàng hóa có tên sản phẩm nêu tại cột 8 “tên sản phẩm” và được mô tả nội dung của sản phẩm tại cột 9 “nội dung” (trường hợp không có mô tả nội dung tại cột 9 thì áp dụng tên sản phẩm tại cột 8) của Phụ lục I, phần A Phụ lục III hoặc tại cột 3 “hàng hóa” phần B Phụ lục III, có mã HS ký hiệu (*) thực hiện như sau:

Căn cứ thực tế hàng hoá nhập khẩu, danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 và Thông tư số 09/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục của Thông tư số 65/2017/TT-BTC để thực hiện

khai báo mã số HS 08 chữ số trên tờ khai hải quan và là hàng hoá nhập khẩu không được giảm thuế GTGT.

4. Hàng hóa có tên mô tả “Loại khác” thuộc Phần B Phụ lục III: là hàng hóa thuộc một trong các Nhóm đã được nêu tên cụ thể từ Mục I đến Mục VI và không thuộc các phân nhóm đã được nêu cụ thể tại các Nhóm này.

Ví dụ 1: Tại Mục I có nêu tên Nhóm sản phẩm máy tính, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi; Tại các phân nhóm từ số STT 01- 05 có mô tả cụ thể tên sản phẩm và tại phân nhóm STT 06 ghi “Loại khác”: Hàng hoá nhập khẩu thuộc phân nhóm có STT 06 là hàng hóa thuộc nhóm Sản phẩm máy tính, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi nhưng không phải là các loại đã được liệt kê từ STT 01 đến STT 05: Máy tính tiền (STT 01), Máy kế toán (STT 02), Máy đọc sách (e-reader) (STT 03), Máy phôi bản tự động (STT 04), Máy ghi bản in CTP (STT 05).

Ví dụ 2: Tại Mục V có nêu tên Nhóm Sản phẩm thiết bị thông tin viễn thông, điện tử đa phương tiện và tại các phân nhóm có nêu tên cụ thể: STT 01 (Thiết bị dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình, viễn thông), STT 02 (Điện thoại), STT 03 (Các thiết bị mạng truyền dẫn), STT 04 (Loại khác).

Trong phân nhóm STT 01 chi tiết tên mặt hàng theo STT từ 001 đến 005 và STT 006 ghi “Loại khác”: Hàng hoá nhập khẩu thuộc STT 006 là hàng hoá thuộc phân nhóm có STT 01 (Thiết bị dùng cho phát thanh vô tuyến hoặc truyền hình, viễn thông) nhưng không phải là các loại hàng hoá đã được liệt kê từ STT 001 đến STT 005: STT 001 (Tổng đài), STT 002 (Thiết bị ra đĩa), STT 003 (Thiết bị viba), STT 004 (Thiết bị chuyển mạch, chuyển đổi tín hiệu), STT 005 (Thiết bị khuếch đại công suất).

Tổng cục Hải quan thông báo để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các Công ty (theo danh sách kèm theo) biết và thực hiện./.

Nơi nhận: *W*

- Như trên;
- Cục HQ TP.Hồ Chí Minh (thay trả lời CV 244/HQTPHCM-TXNK ngày 14/02/2022);
- Cục HQ tỉnh Hà Tĩnh (thay trả lời CV 222/HQHT-NV ngày 15/2/2022);
- Cục HQ Long An (thay trả lời CV số 296/HQLA-NV ngày 22/2/2022);
- VP Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Vụ CST (BTC) (để phối hợp);
- TCT (để phối hợp);
- Các Cục, Vụ: KTSTQ, ĐTCBL, QLRR, GSQL, PC, TTr-KT (để thực hiện);
- Lưu: VT, TXNK-CST (3b). *f*

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Lưu Mạnh Tường

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY
(kèm theo công văn số **642/TCHQ-TXNK** ngày 25/02/2022
của Tổng cục Hải quan)

STT	Doanh nghiệp	Số, ngày công văn	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Rifa Võ	063-22/XNK-RTV ngày 15/2/2022	327 Xa lộ Hà Nội, P. An Phú, Thủ Đức, TP.HCM
2	Công ty TNHH Roche Việt Nam	1006/0222/HC-RV ngày 11/2/2022	Tầng 27, tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên Phủ, P.25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
3	Công ty TNHH TMDV SX Tùng Vĩ	01/02/22-CVTV ngày 10/02/2022	418/15 Trần Phú, Phường 7, Quận 5 TP.HCM
4	Công ty CP Liên doanh Kangaroo Quốc tế	1102/2022/CV-KGR ngày 11/2/2022	Khu CN Tân Quang, Xã Tân Quang, Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
5	Công ty CP Điện tử Benny Việt Nam	02/CV ngày 16/2/2022	số 12 ngõ 26 Xuân Diệu, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội
6	Công ty TNHH TMDV Giao Vận	01/TCHQ/2022 ngày 8/2/2022	208 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM
7	Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam	025101/2022/VAMA ngày 15/2/2022	Tầng 10, Tòa nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, TP.Hà Nội
8	Công ty TNHH Linh Hưng	CV1102/LH-HQ ngày 11/2/2022	Điểm công nghiệp Phú Lãm, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
9	Công ty TNHH BHFLEX	20220209-01/BHFLEX ngày 9/2/2022	Khu CN Khai Quang, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
10	Công ty TNHH Cuckoo Vina	1402/CV-HQ ngày 14/2/2022	Tầng 15, Tháp C, Tòa nhà Central Point, số 219 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, HN
11	Công ty TNHH THN Việt Nam	170222/CV ngày 17/2/2022	414 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM
12	Công ty TNHH Fusion Group	01/2022-FUSION ngày 17/2/2022	Lô L1-06B, Lô L1-07B, Lô L1-08B Khu du lịch sinh thái cao cấp An Khánh, An Khánh, Hoài Đức, TP.HN
13	Công ty TNHH Tân Hòa Lợi	16-22/CV-THL ngày 15/2/2022	245/61D Hòa Bình, Hiệp Tân, Tân Phú, TP.HCM
14	Công ty TNHH Panasonic Life Solutions Việt Nam	số PLSVN-09022022 ngày 9/2/2022	số 1 Vsip II-A, Đường số 12, KCN VN-Singapore II-A, Vĩnh Tân, Tân Uyên, Bình Dương
15	Công ty TNHH Nidec Mobility Việt Nam	NMOV-202202-01 ngày 14/2/2022	Tầng 21, tòa nhà Leadvisors Tower, Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
16	Công ty TNHH MJ Logistics Hà Nội	202202-01 ngày 09/2/2022	Tầng 15, TTC Tower, Lô B1A, cụm sản xuất TTCN và CNN quận Cầu Giấy, Dịch Vọng hậu, Cầu Giấy, HN
17	Công ty CP Hóa dược	CV1102/HIPC-HQ ngày 11/2/2022	Số 8, ngõ 4, phố Xóm, Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội

Handwritten signature

	quốc tế Hà Nội		
18	Công ty Cp XNK Bảo Tín	02/2022/BT-CST ngày 19/2/2022	11 đường A, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM
19	Công ty CP Thép Tung Ho Việt Nam	02.2022/CV/VMKHQ ngày 17/2/2022	KCN Phú Mỹ II, Phường Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
20	Công ty CP Thép Posco Yamato Vina	20220214/PY ngày 14/2/2022	Đường N1, KCN Phú Mỹ II, Phường Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
21	Công ty CP Điện tử Benny	số 08/CV, số 09/CV ngày 19/2/2022	Tầng 1, Tào A, Tòa nhà Đồng Phát, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, TP.Hà Nội
22	Công ty CP điện tử Benny Việt Nam	số 05/cv ngày 19/2/2022	Số 12 ngõ 26 Xuân Diệu, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Hà Nội
23	Công ty CP XNK Than - Vinacomin	số 95/CLM-KTTC ngày 21/2/2022	47 Quang Trung, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội
24	Công ty TNHH Đất Hợp	công văn không số ngày 21/02/2022	số 2 đường số 4, khu nhà ở Vạn Phúc 1, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
25	Công ty TNHH Parasonic Việt Nam	số 2022.22.001/PSV-GDC ngày 22/2/2022	Lô J1-J2 Khu CN Thăng Long, xã Kim Chung, Đông Anh, TP.Hà Nội
26	Chi nhánh Công ty CP kỹ thuật số SBC	số 01/CV-2022/SBC ngày 17/02/2022	182C Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh
27	Công ty TNHH ABB Automation and Electrification Việt Nam	số 01/022022/CV-ABB ngày 23/02/2022, số 02/022022/CV-ABB ngày 22/2/2022	Tầng 19, tòa nhà Friendship, số 31 đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
28	Công ty CP Tập đoàn Sunhouse	số 230222 ngày 23/2/2022	Số 139, phố Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
29	Công ty CP máy và Phụ tùng Ý Hợp	220222/YH ngày 22/02/2022	46/41/61 Vườn Chuối, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

2/2